

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Lê Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà

Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1998

HKTT: Khu 3, thị trấn T, T, Hải Dương

Địa chỉ hiện ở: Thôn M, xã L, T, Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Tiêu Tiến L1, sinh năm 1996

HKTT: Khu 3, thị trấn T, T, Hải Dương.

Địa chỉ hiện ở: Khu 2, thị trấn T, T, Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn M, L, T, Hải Dương.

- Ông Tiêu Văn T2, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu 2 thị trấn T, T, Hải Dương.

- Bà Nguyễn Thị L2; địa chỉ: Khu 1 thị trấn T, T, Hải Dương.

(Tại phiên tòa chị H, anh L1 và những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị H và anh L1 kết hôn vào ngày 13/9/2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng không chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế; anh L1 mải chơi, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh L1 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Tiêu Gia Khánh sinh ngày 25/02/2020. Hiện nay cháu Khánh đang ở với chị. Khi ly hôn do con còn nhỏ, nên chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng là 7 triệu đồng.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện T đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị H2, ông Tiêu Văn T2 và bà Nguyễn Thị L2, cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị H, anh L1 đã nảy sinh mâu thuẫn, có xô xát, cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Ngoài ra, bà H2 là mẹ đẻ chị H còn đề nghị Tòa án giao con cho chị H nuôi dưỡng, gia đình bà sẽ hỗ trợ chị H chăm sóc cháu Khánh.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử chị H và anh L1 ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Tiêu Gia Khánh, sinh ngày 25/2/2020 cho chị H nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh L1 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L1 nhiều lần, nhưng anh L1 không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó thể hiện việc không thiện chí đoàn tụ của bị đơn.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh L1 đã nảy sinh xô xát, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định không còn tình cảm gì với anh L1 và xin ly hôn với anh L1. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị H ly hôn với anh L1 là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng chị H, anh L1 có 01 con chung là Tiêu Gia Khánh, sinh ngày 25/2/2020. Chị H xin nuôi con, HĐXX thấy: Chị H có việc làm và thu nhập ổn định, cháu Khánh còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên cần giao cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị H ly hôn anh Tiêu Tiến L1.

2. Về con chung: Giao con chung là Tiêu Gia Khánh, sinh ngày 25/2/2020 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000625 ngày 07/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hải Dương; chị H đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T, T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung